

VĂN MẪU LỚP 12

6 BÀI VĂN MẪU BÌNH GIẢNG ĐOẠN VĂN TỪ “THUYỀN TÔI TRÔI TRÊN SÔNG ĐÀ. CẢNH VEN SÔNG Ở ĐÂY LẠNG LỜ... THẬT MÌNH DÂY CỔ ĐIỆN TRÊN DÒNG TRÊN” TRONG TÙY BÚT NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ CỦA NGUYỄN TUÂN

BÀI MẪU SỐ 1:

Từ Vang bóng một thời (1940) đến Sông Đà (1960), con đường sáng tạo văn chương của Nguyễn Tuân đã trải qua 20 năm tròn. Tùy bút Sông Đà làm cho chân dung văn học của Nguyễn Tuân thêm tươi sáng, rạng rỡ. Với 15 tùy bút và một bài thơ phác thảo, Sông Đà đã khẳng định vị trí vẻ vang của Nguyễn Tuân trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại, tô đậm một phong cách nghệ thuật uyên bác, độc đáo và tài hoa để ta thêm yêu mến tự hào.

Người lái đò Sông Đà rút trong tập tùy bút Sông Đà thể hiện cá tính sáng tạo của Nguyễn Tuân trên một tầm cao phát triển mới. Là nhà văn của những tính cách phi thường, Nguyễn Tuân phát hiện, miêu tả con người Tây Bắc mang bao phẩm chất tuyệt đẹp mà ông gọi đó là “chất vàng mười” của tâm hồn. Là một con người yêu thiên nhiên tha thiết, ông nói về cảnh sắc sông Đà với những phát hiện hết sức tinh tế và độc đáo về núi và sông, về cỏ cây trên một vùng đất nước bao la, hùng vĩ và thơ mộng.

Bút pháp của Nguyễn Tuân rất biến hóa. Lúc thì ông miêu tả sông Đà “hung bạo và trữ tình” qua cặp mắt ông lái đò dũng cảm, tài hoa. Lúc thì ông nhắc đến sông Đà như một “cố nhân” sau những ngày dài ở rừng đi núi “thèm chỗ thoáng”, và khi gặp lại con sông “vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng”. Có lúc Nguyễn Tuân từ trên tàu bay nhìn xuống Đà Giang băng khuâng dõi theo dáng hình của nó “tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình...”. Có lúc ông lại trôi theo con đò êm ả xuôi dòng để thăm thú và tận hưởng vẻ đẹp hoang sơ, kì thú mà nhiều người trong chúng ta thèm khát. Nhà văn đang miêu tả hay đang tâm tình. Đây một đoạn tùy bút đẹp, gọi tả vẻ đẹp hoang sơ, thơ mộng của miền trung lưu Sông Đà, một bài thơ trữ tình bằng văn xuôi hiếm có:

“Thuyền tôi trôi trên sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ... và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò éo ẹt thắt mình dây cổ điển trên dòng trên”.

Nếu trong cảnh vượt thác, Nguyễn Tuân tung ra một vốn từ ngữ phong phú, chính xác, mới lạ để diễn tả cuộc chiến giữa ông đò với thần sông, thần đá có đủ quân đông, tướng dữ, bằng một giọng văn mạnh mẽ, nhịp văn gấp như thác gầm, sóng réo, thì đến đoạn văn này giọng văn, nhịp điệu thay đổi hẳn: nhẹ nhàng, lâng lâng, mơ màng. Vẻ đẹp thơ mộng, êm đềm của Đà Giang ở quãng trung lưu được diễn tả đầy chất thơ. Đó là quãng sông từ thác Tiểu trở như một câu tục ngữ Thái đã nói: “Qua thác Tiểu trải chiếu mà nằm” – mới có vẻ êm đềm thơ mộng ấy. Câu văn toàn thanh bằng diễn tả con thuyền êm ái nhẹ nhàng trôi xuôi: “Thuyền tôi trôi trên sông Đà...”. Một không gian nghệ thuật “lặng tờ” như ru “ông khách Sông Đà” vào giấc mộng phiêu du. Cái “lặng tờ” được nhấn đi nhấn lại như ướp hương rừng gió núi vào hồn người mà lắng nghe, mà cảm nhận, mà thưởng ngoạn: “Cảnh ven sông ở đây lặng tờ, hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà. Ngược thời gian một thiên niên kỷ về trước, hai tiếng “lặng tờ” dẫn người đọc trở về với “mấy trăm năm thấp thoáng mộng bình yên” (Hoàng Cầm). Đã có cái “phẳng lặng tờ” của con sông trong cổ thi: “Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ” nên mới có cái “lặng tờ” êm như ru của sông Đà mà Nguyễn Tuân cảm mến.

Mơ màng nhìn dòng sông, nghe nước êm trôi “lặng tờ”, ông khách sông Đà băng khuâng nhìn xa, nhìn gần cảnh ven sông. Bao trùm cảnh vật là một màu xanh hoang sơ, hồn nhiên. Cũng thấy nương ngô “nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa”, đã có dấu ấn của con người in trên màu xanh mỡ màng ấy, nhưng thật vô cùng ngạc nhiên “mà tịnh không một bóng người”. Chỉ có đôi gianh nối tiếp đôi gianh trùng điệp với những “nõn búp” ngon lành. Hình ảnh đàn hươu xuất hiện trên màu xanh bát ngát những đôi gianh là một nét vẽ tài hoa làm cho bức tranh thiên nhiên sông Đà đượm màu “hoang dại” và “cổ tích”. Không phải chú nai vàng ngơ ngác trong cái xào xạc của lá thu rơi thuở nào : mà ở đây chỉ có: “Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngón búp cỏ gianh đẫm sương đêm”. Chỉ có Nguyễn Tuân mới có cái nhìn “xanh non” ấy, mới có cách nói, cách tả độc đáo ấy; ông đã thả hồn mình vào linh vật, mà yêu mến, nâng niu. Câu văn của ông tưởng như là hai vế của của một câu song quan trong bài phú lưu thủy:

Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử;

Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa Nguyễn Tuân so sánh không phải để cụ thể hóa sự vật mà là trừu tượng hóa, thơ mộng hóa cảnh vật. “Bờ tiền sử”, “nỗi niềm cổ tích tuổi xưa” là chữ của nhà văn bậc thầy về ngôn ngữ này. Nguyễn Tuân không dựa vào trực giác để so sánh, ông ta đã dùng tưởng tượng để tạo nên những liên tưởng,

những so sánh đầy chất thơ và rất kì thú, gieo vào tâm hồn người đọc bao cảm xúc, để cùng ông tận hưởng cái vẻ đẹp “hoang dại” và “hồn nhiên” của Đà Giang.

Rồi từ trong cái không gian “hoang dã” ấy của đôi bờ sông Đà, Nguyễn Tuân khao khát sống, khao khát “thèm” một âm vang của thời đại. Từ giấc mơ của “bờ tiền sử” chuyển sang giấc mơ về một tương lai huy hoàng qua một tiếng còi tàu kì diệu... Trong mộng tưởng có nhiều say mê: “Chao ôi thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu”. Ông yêu sông Đà với cái “hồn nhiên”, “hoang dại” của nó, đã “nhìn sông Đà như một cổ nhân”, ông còn “thèm” ánh sáng của thời đại chiếu rọi đôi bờ Đà Giang, đưa người đọc cùng ông bay lên cùng “ngọn gió ngày mai thổi lại...”. Chất lãng mạn trong văn Nguyễn Tuân dịu dàng trong hương hoa “bữa tiệc thạch lan hương” thướt nào, chỉ đủ cho ta mơ ước về một viễn cảnh...

Đó là dư vị, là nhã thú mà ta cảm nhận được qua tiếng còi xúp lê mơ màng. Cuộc đối thoại giữa ông khách sông Đà và con hươu thơ ngộ đích thực là một bài thơ trữ tình kì diệu, một giấc mơ chập chờn chơi vơi trong cái lặng tờ của ven sông. Cái tĩnh lặng của khoảnh khắc giao cảm thần tiên giữa ông khách sông Đà với đàn hươu núi đã lên đến đỉnh điểm. Trên cái nền xanh của cỏ sương, hươu chăm chăm nhìn người như dò hỏi. Lòng người và tạo vật cùng rung động: “con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ lừ trôi trên một mũi đò”. Hươu nhìn người mà ngo ngác Người nhìn đàn hươu mà lâng lâng chìm vào mộng tưởng. Không một tiếng động nhỏ. Cả một không gian nghệ thuật trở nên tĩnh lặng, thiêng liêng, nhiệm màu. Hươu hỏi người hay người tự hỏi? Một giả định vừa thực vừa mộng ảo, siêu thực mà lãng mạn.

Từ cõi mộng mà trở về thực tại với bao nỗi bồi hồi: Hươu vênh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi mình bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành: “hỡi ông khách sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?”. Có thể nói những nét vẽ của Nguyễn Tuân về đàn hươu núi là những nét vẽ tài hoa, độc đáo, đã gợi tả cái vẻ đẹp hồn nhiên hoang dại của đôi bờ con sông Đà, đã tạo nên chất thơ, chất mộng ảo, dào dạt trong lòng người và thiên nhiên tạo vật. Câu chữ rất có duyên gợi lên cái hồn của cảnh vật: “Con hươu thơ ngộ”, “ngẩng đầu nhung”, “áng cỏ sương”, “chăm chăm nhìn”, “Con vật lành”, “tiếng còi sương...”. Nguyễn Tuân đã nhìn thiên nhiên với cái nhìn phát hiện ở những chi tiết, dáng vẻ mang tính thẩm mỹ tài hoa.

Cảnh biến đổi nên câu văn Nguyễn Tuân cũng có duỗi biến hóa. Một tiếng động nhỏ của con cá dầm xanh như làm cho ông khách sông Đà chợt tỉnh mộng. Mượn cái động để tả cái tĩnh được vận dụng sáng tạo, mở ra một không gian nghệ thuật mới. Cá quây, đàn hươu vọt biển, cá vọt lên mặt sông “bụng trắng như bạc rơi thoi”. Như một đoạn phim chuyển cảnh từ tĩnh qua động để rồi tĩnh lặng hơn. Hươu núi vọt biển, cá bụng trắng vọt lên rồi rơi xuống, lặn xuống; trước mắt du khách chỉ còn là một màu xanh của nước, màu xanh của cỏ

gianh đòi núi. Câu văn “Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi” là một câu văn đẹp, có âm thanh, có màu sắc, có cái nghe thấy, có vật nhìn thấy, có điều cảm thấy. Hình ảnh so sánh “đàn cá. bụng trắng như bạc rơi thoi” đầy chất thơ vừa gợi tả sắc trắng (như bạc), vừa chỉ rõ dáng hình thon dài (như thoi) của đàn cá dầm xanh.

Cá quẫy... đàn hươu vọt biển... và ông khách sông Đà chợt tỉnh mộng, trở về thực tại, với con đò trôi xuôi, êm ái, lặng tờ. Vốn là một nhà văn tài hoa. uyên bác, những câu văn, câu thơ cổ kim đông tây, ông “giắt đầy mình”, vui thì ông đưa duyên, buồn thì ông ngâm ngợi Tản Đà với Nguyễn Tuân là đôi bạn vong niên. Chưa có thi sĩ nào viết nhiều và viết hay về núi Tản sông Đà như Nguyễn Khắc Hiếu. Có trăng phải có rượu, cũng như có cảnh đẹp thì phải ngâm thơ. Nguyễn Tuân coi sông Đà là “cổ nhân”, nên lấy thơ thi sĩ Tản Đà ra ngâm vịnh, mà ngắm cảnh đẹp Đà Giang, hỏi có còn nhã thú nào bằng? Tản Đà có ba bài thơ trường thiên cùng chung một giọng điệu: “Thư đưa người tình nhân không quen biết” (1918), “Thư trách người tình nhân không quen biết (1921), “Thư lại trách người tình nhân không quen biết” (1926). Nguyễn Tuân chỉ trích hai câu trong bài thơ thứ hai, trích hai câu hay nhất, đích đáng mà lại vừa hợp cảnh, hợp tình, ông viết:

“Thuyền tôi trôi trên “dải sông Đà bọt nước lênh bênh - bao nhiêu cảnh bấy; nhiều tình” của “một người tình nhân chưa quen biết” (Tản Đà). Việc trích dẫn thơ Tản Đà ở đây còn mang một ý nghĩa “tri ân”, “Rượu ngon không có bạn hiền” để cùng nhau “đối tửu”. Cũng như có cảnh đẹp mà thiếu bạn thì cái yêu hoa thưởng nguyệt đã giảm đi ít nhiều nhã thú. Đọc thơ bạn, ngâm bạn trong lúc này, Nguyễn Tuân xem như bạn đang cùng mình ngồi trên thuyền trôi trên “dải sông Đà bọt nước lênh bênh...” mơ màng tâm tình và thưởng ngoạn. Đó là tài tử, là tài hoa. Đó là tri ân, tri kỉ.

Càng về xuôi, sông Đà càng rộng thêm ra, dòng sông mênh mông hơn, êm nhẹ hơn. Nhìn dòng sông nước chảy “lững lờ”, nhà văn cảm thấy nó “như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc”. Dòng sông vẫn “lững lờ” êm trôi “như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên”, “Con đò mình nở chạy buồm vải”, “Con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển”, là nhận xét, là cách tả, là cách dùng từ rất độc đáo của Nguyễn Tuân. Mỗi câu, mỗi chữ đều phá linh hồn vào dòng sông, vào con đò, vào cảnh vật. Những so sánh ẩn dụ, những nhân hóa trong đoạn văn này cho thấy một tình yêu sông núi thiết tha, một cái nhìn đậm thấm nồng hậu, một cái lắng nghe trù mến yêu thương. Nguyễn Tuân như đang mở rộng lòng mình, tâm hồn mình với dòng sông để cùng với nó mà “lắng nghe”, mà nhớ thương, những âm vang, những nhin sống âm áp của cuộc đời. Ta cảm thấy có một dòng sông đang êm trôi, đang lững lờ trong tâm hồn mình, bát ngát mênh mông... Văn Nguyễn Tuân không chỉ đem đến cho ta bao nhã thú mà còn để lại nhiều dư vị, dư ba là vậy!

Nguyễn Tuân yêu sông Đà, yêu Tây Bắc, yêu một trời hoa ban, yêu một sắc đầy Tô Hiệu, yêu một ông lái đò dũng mãnh tài ba, lúc vượt thác cũng như lúc ngồi trong hang đá nướng ống cơm lam... Bác Nguyễn yêu cái lặng tờ của dòng sông, yêu đàn hươu rừng thơ ngộ, yêu một tiếng cá dầm xanh quẫy, vọt lên mặt sông “bụng trắng như bạc rơi thoi”. Tác giả Sông Đà còn yêu và say mê ngắm “con đò đuôi én thát mình dây cổ điển” của người Thái, “con đò mình nở chạy buồm vải” của người Kinh, người Mường... Yêu sông Đà, yêu cảnh sắc sông Đà yêu Tây Bắc, với Nguyễn Tuân, với chúng ta, chính là tình yêu sông núi, yêu con người Việt Nam can cù, nhân hậu, dũng cảm, tài ba..

Đoạn văn trên đây chỉ là một đoạn ngắn trong bài tùy bút Người lái đò Sông Đà, chỉ nói về một nét đẹp - vẻ đẹp thơ mộng - của Đà Giang ở quãng trung lưu. Tuy vậy, ta vẫn cảm thấy được cái hay, cái đẹp trong văn Nguyễn Tuân. Một chất thơ tỏa rộng, man mác. Một ngòi bút nhiều khám phá, sáng tạo và kiến tạo trong tạo hình dựng cảnh, trong dùng chữ, đặt câu. Những so sánh, ẩn dụ và liên tưởng rất gợi. Đây là một đoạn hay và đẹp nói về hương sắc đất nước. Chất tài hoa, tài tử, cái bề thế độc đáo, sắc sảo và uyên bác của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân để lại dấu ấn trên “trang hoa”, “tờ hoa” này.. Người đọc vẫn cảm thấy mình trở thành “ông khách sông Đà” đang cùng con thuyền nhẹ trôi trên Đà Giang cùng với bác Nguyễn say mê ngắm cảnh đẹp của hương núi. hoa ngàn và lắng nghe tiếng cá dầm xanh quẫy trên cái lững lờ của dòng sông “dải sông Đà bọt nước lành bênh...”.

BÀI MẪU SỐ 2:

Người lái đò sông Đà là một bút kí rất đặc sắc của Nguyễn Tuân rút từ tập Sông Đà (1960). Hình ảnh con sông Đà với hai đặc tính nổi bật là “hung bạo và trữ tình” đã được khắc họa thật đậm nét. Để có thể khách thể hóa được đối tượng và “đóng đinh” nó vào trí nhớ độc giả, Nguyễn Tuân đã tung ra nhiều “độc chiêu” ngôn ngữ tưởng chỉ mình không mới có. Khi miêu tả những con thác vô cùng “độc dữ, nham hiểm”, câu văn của ông mang nhịp điệu dồn dập, kích thích. Nhưng khi ca ngợi “con sông Đà gọi cảm”, câu văn lại thu duỗi hết sức êm ả nghe như một tiếng hát ngân nga. Văn Nguyễn Tuân gồm chứa cả hai cực đó là cực thứ hai – cực trữ tình mềm mại và thắm đượm một thứ “mĩ học hoài cựu” độc đáo được thể hiện rất rõ trong đoạn văn từ câu “Thuyền trôi trên sông” đến câu... “khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên”.

Nội dung của đoạn văn là nói về vẻ thơ mộng của sông Đà ở quãng trung lưu. Thác ghềnh lúc này chỉ còn lại trong nỗi nhớ. Thuyền được trôi êm và câu văn mở đầu vì thế cũng trở nên lâng lâng, mơ màng, không vướng víu với một thanh trắc nào: “Thuyền tôi trôi trên sông Đà”. Cái “lặng lờ” được nhắc đi nhắc lại mấy lần theo một kiểu trùng điệp rất đặc thù của thơ: “Cảnh ven sông ở đây lặng lờ, hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng lờ như thế là thôi”, nghĩa là không thể lặng lờ hơn được nữa! Thiên nhiên thật hài hòa và mang vẻ trong trẻo nguyên sơ, dành riêng cho con mắt nhìn “xanh non” của tác giả những hình ảnh kì thú: “Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngón búp cỏ gianh đẫm sương đêm”. Cảnh đã làm cho vị tình nhân của non nước Đà giang hết sức xúc động. Ông thấy cần phải nói thêm nữa để diễn tả cho cùng kiệt đặc tính của đối tượng: “Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích ngày xưa”. Những so sánh lạ lẫm, chính xác mà cũng thật Nguyễn Tuân! Nhà văn đã đi ngược thói quen, đem giải thích một đặc tính vốn đã khá trừu tượng bằng những khái niệm trừu tượng hơn nữa, khiến cho cảm giác trực tiếp bỗng mở ra những liên tưởng trùng trùng, bát ngát. Đi từ “hoang dại”, “hồn nhiên” là cái còn có thể cảm nhận được, đến “tiền sử” và “nỗi niềm cổ tích ngày xưa”, câu văn đã cập bờ siêu cảm giác, đòi hỏi người đọc phải tiếp nhận nó bằng siêu giác quan chứ không phải bằng giác quan bình thường. Trong câu tiếp theo: “Chao ôi, thấy thèm được giạt mình vì một tiếng còi xúp-lê của một chuyên xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ – Yên Bái – Lai Châu”, một mặt nhà văn bộc lộ thèm ước muốn có tiếng còi kéo mình ra khỏi mạng lưới vô hình mà quấn chặt của giác mơ xưa, mặt khác tạo nên một cái có tuyệt diệu để biến cả một đoạn văn thành một bài thơ siêu thực mà trong đó giữa người với cảnh có sự tương thông rất đổi huyền nhiệm và cái hư phút chốc biến thành cái thực: “Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ đừ

trôi trên một mùi dò. Hươu vênh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi mình bằng cái tiếng nói riêng của con vật lạnh: “Hỡi ông khách sông Đà, có phải ông cùng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?” Người mơ cảnh cũng mơ, và cái thời điểm “ông khách sông Đà” bỗng nghe ra tiếng chú hươu gọi hỏi chính là đỉnh điểm của giấc mơ đó. Nhà văn đã khéo tạo được một giấc mơ ngay giữa ban ngày để rồi sau đó như sự tỉnh với tiếng động của “Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mắt đàn hươu vọt biến”. Phút sự tỉnh cùng là phút nhà văn hiến cho độc giả một hình ảnh cực kỳ sống động mà ai được một lần thấy trong đời hẳn phải nhớ mãi. Bút pháp mượn cái động để tả cái tĩnh đã được vận dụng ở đây hết sức đặc địa. Cảnh tĩnh lặng đến mức chỉ tiếng cá quẫy cùng đủ khiến ta phải giật mình. Nhưng dưới ngòi bút Nguyễn Tuân, cái tĩnh không đồng nghĩa với sự phẳng lặng, đơn điệu mà vẫn luôn hàm chứa sự bất ngờ, vẫn không ngớt biến hóa. Theo con thuyền thả trôi, điểm nhìn của nhà văn liên tục di động và “đi động” hơn nữa là cái nhìn của Nguyễn Tuân. Có vẻ như ông muốn học cách nhìn của “con hươu thơ ngộ”, “vênh tai”, “nhìn không chớp mắt” những sự vật như hiện lên từ thế giới cổ tích, sau đó truyền sự ngỡ ngàng lại cho độc giả qua những từ dùng độc đáo, sáng tạo, kích thích rất mạnh giác quan và vốn ngôn ngữ của chúng ta: “thơ ngộ”, “đầu hung”, “áng cỏ sương”, “tiếng còi sương...”. Vật nào cảnh nào được cây đũa thần của nhà văn động đến đều cựa quậy, không chịu ép mình làm một tiêu bản chết. Có lúc, Nguyễn Tuân như vượt qua lề luật của phép diễn đạt thông thường để viết: “Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi”. Có thể nói câu văn kia đã được viết theo bút pháp của hội họa “lập thể” mà mục đích của nó là muốn cùng một lúc thấy được sự vật ở nhiều chiều. Trước một nét miêu tả rất cô đọng như thế, ta không chỉ thấy mà còn nghe – thấy cái lấp lánh ánh bạc của bụng cá và nghe tiếng quẫy nước rộn ràng vang ngân.

Nguyễn Tuân là người hết sức nặng tình với con sông đất nước. Trong khi thường ngoạn vẻ đẹp thơ mộng của Sông Đà, trong ông dậy lên bao mối liên tưởng về lịch sử, dậy lên cảm giác hàm ơn sâu xa đối với cổ nhân. Việc ông nhắc tới đời Lí, đời Trần, đời Lê và câu thơ của Tản Đà cho thấy rõ một thiên hướng bộc lộ cảm xúc rất đặc thù của người từng viết Vang bóng một thời. Nhưng trước vẻ “hoang đại” của bờ sông Đà, nhà văn cũng có những suy nghĩ mang tính tích cực của người công dân mới, mong cuộc sống hiện đại tỏa chiếu ánh sáng lên cả chốn sơn cùng thủy tận. “Tiếng còi sương” xuất hiện ở đây ngân xa như một khát vọng, nó hài hòa với cảm hứng lịch sử, tạo cho đoạn văn một vẻ đẹp vừa cổ kính, vừa hiện đại. Đối với Nguyễn Tuân, những cái gì mang trong nó hơi thở ấm áp của cuộc đời đều để thương, để nhớ, để lưu luyến cho ông. Trong những câu cuối của đoạn văn này, ông đã trải lòng mình ra với dòng sông, hóa thân vào nó để lắng nghe và xúc động: “Dòng sông quăng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi,

và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên”. Qua mỗi dặm đường đất nước, nhà văn đều thấy cảnh vật và con người gắn quyện với nhau rất chặt chẽ.

Yêu sông Đà cũng chính là yêu Tổ quốc và yêu con người Việt Nam – những “đồng tác giả” của trăm vẻ đẹp từng làm đắm đuối lòng ta trên “trăm dáng sông xuôi” (ý thơ của Ngụ/ễn Khoa Diễm).

Chỉ mới qua một đoạn trích ngắn ngủi, ta chưa có điều kiện thấy hết những đặc sắc của văn Nguyễn Tuân. Nhưng chừng ấy tưởng cũng đã đủ để ta quý trọng một tài năng, một tấm lòng, một Nguyễn Tuân – con người suốt cuộc đời đi tìm cái đẹp trong cuộc sống để sáng tạo nên những áng văn đẹp, làm phong phú, giàu có thêm đời sống tinh thần của tất cả độc giả

BÀI MẪU SỐ 3:

Nếu có một buổi tôi hỏi “Anh biết Nguyễn Tuân không?”, anh đáp “Biết!” nhưng nếu tôi thêm “Anh biết tác phẩm Sông Đà không?”, anh trả lời “Không!” thì tôi tin mình đã có đủ cơ sở để khẳng định lời anh thiếu chính xác. Thật thế, nói đến Nguyễn Tuân trước Cách mạng tháng Tám, người ta phải nhắc Vang bóng một thời cũng như sau cách mạng tháng Tám, nhắc đến Nguyễn Tuân người ta không thể quên tập tùy bút Sông Đà của ông.

Thông qua Sông Đà, bằng ngòi bút tài hoa, già dặn của mình, Nguyễn Tuân không chỉ phác họa được bức chân dung ông lái đò trên sông Đà, bức chân dung người lao động trên sông nước được nâng lên ngang tầm nghệ sĩ, mà còn đem đến con sông Đà một cái hồn người thực sự: cũng biết vui, buồn, giận dữ, phẫn nộ, nhớ thương... Nhưng, gập lại trang sách, đọng lại trong tôi vẫn là đoạn này: “Thuyền tôi trôi trên sông Đà... trên dòng trên”.

Sau những đợt gằm rung giận dữ, sóng vỗ tung bờ, sau những trận “làm mình mẩy” với con người Tây Bắc, con sông Đà lại trở về với cái đằm thắm, hiền hòa cố hữu của nó: “Cảnh sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi”. Câu văn đọc nghe cứ êm ái, menh mang..., menh mang như chính những gợn sóng trên sông Đà. Tôi dám cuộc rằng, nếu tác giả chỉ phác họa cảnh “lặng tờ” không thôi, người đọc cũng đủ hình dung ra cái tĩnh lặng của dòng trôi, cùng lắm như con sông quê nội, quê ngoại mình hay như con sông trước ngõ nhà mình. Song, ở đây Nguyễn Tuân đã viết thêm:

“Hình như từ đời Lí, đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi”. Con sông bây giờ không hẳn chỉ là của hiện tại, mà nó trôi ngược về quá khứ. Bởi người ngắm nó - người đang lênh đênh giữa dòng sông, đang chìm trong hoài niệm, mạch cảm xúc boi ngược về với lịch sử dân tộc. Nguyễn Tuân cho phả vào câu chữ của mình, phủ lên bề mặt con sông Đà một lớp sương khói huyền hoặc, mơ hồ, xa xăm, đẹp và thơ mộng lạ kì. Bỗng dung tôi nhớ mấy câu ca dao:

Mịt mù khói tỏa ngàn sương

Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

Cũng là lãng đãng khói sương, nhưng rõ ràng không gian mặt hồ bị cô lập và có giới hạn hơn không gian con sông Đà của Nguyễn Tuân.

Vẫn miên man trong mạch xúc cảm đằm sâu, ta có cảm giác con người tác giả đang hiện diện đâu đó trên con sông Đà đã nhập thân làm một vó cỏ cây sóng nước, để cho hiện dần lên trước ống kính những vẻ đẹp cụ thể gợi cảm. Đúng vậy! Phải là người của cảnh này, tình này mới có được những hình ảnh nào là “nồn búp”, “búp có tranh”, “bờ sông

hoang đại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”, nào là “con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương”, “một tiếng còi sương”, rồi “đàn cá quẫy vọt bụng trắng như bạc rơi thoi”... cùng cái dáng dấp “lững lờ như nhớ như thương những hòn đá thác xa xôi” của con sông Đà... Một loại những sắc màu, hình ảnh, một loạt những so sánh ví von khiến người đọc phải thích thú cảm phục người cảm phục người cầm bút. Song, đọc kĩ lại ta mới hay rằng Nguyễn Tuân không chỉ muốn người đọc tâm phục đôi mắt nghệ sĩ có một không hai của mình mà chắc rằng, đằng sau một loạt ngôn từ sáng tạo tài hoa đó là cả một thực thể nguyên khai như “nụ sữa” thuần khiết. Ngắm lại mà xem, từ “nỗn búp” đến “búp có tranh” là một cái gì rất tươi non, e ấp, đến “con hươu thơ ngộ”, bờ sông “hoang đại như một bờ tiền sử”, “hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”... đều là những cái ban đầu, băng trinh, nguyên sơ... Và đằng sau, những dáng vẻ, những thực thể, màu sắc ấy, người ta còn thấy một sức sống ngồn ngộn, tươi rói, trẻ trong đang ẩn nấp, đang ngầm sinh sôi, chuyển động, kết giao... Bắt được cái thần thái của cảnh vật, đòi hỏi cảm xúc Nguyễn Tuân phải tinh tế đến cỡ nào. Chính xác hơn, như trên đã nói Nguyễn Tuân đã hòa mình vào thiên nhiên, vào trời mây non nước sông Đà, để thay mặt nó, ra trạng thái trinh nguyên của nó. Có thể hiểu rằng, Nguyễn Tuân không tả cảnh quan sông Đà hoàn toàn theo cái nhìn chủ quan của người ngắm mà còn tả bằng đôi mắt khách quan như bản thân con sông Đà hiện có.

Đoạn văn trích cho ta thấy được vẻ đẹp thơ mộng tiềm tàng sức sống của sông Đà, xúc cảm rất chân thành của người ngắm cảnh và một lần nữa, buộc ta phải khâm phục, ngưỡng mộ ngòi bút tài hoa tài tử của Nguyễn Tuân, những chữ nghĩa, ví von có hồn có mắt được nâng niu, cẩn thận góp nhặt qua “ hàng trăm tuần trà, hàng ngàn lần dạo phố Hà Nội, đi Đông đi Tây chắt lọc lại, giữ lại cho chúng ta”.

Tôi sinh ra và lớn lên ở miền Nam, uống ngụm nước ngọt của dòng Cửu Long phù sa hiền hòa, đọc văn Nguyễn Tuân sao tôi cứ thấy ao ước, bồn chồn: ước một lần được đặt chân đến với con sông đà, được chiêm ngưỡng vẻ đẹp có thật của một con sông ở miền Bắc Tổ quốc mình...

Mình cũng là người Việt Nam, cũng biết yêu mến và rung cảm với cái của non sông gấm vóc Việt Nam, biết đâu mình cũng có thể viết nên những dòng suy nghĩ đậm đà chất thơ theo tấm gương sáng tạo của tác giả tùy bút Sông Đà.

BÀI MẪU SỐ 4:

Trong cuộc kháng chiến mất còn của dân tộc, những dòng sông, cánh đồng, mảnh đất, ngôi làng đã đồng hành sống và chiến đấu với con người và hóa thân vào văn chương thành những vẻ đẹp của quê hương, đất nước. Một sông Mã gầm khan trầm uất, một sông Đuống cuộn trôi mang bao ảnh hình xứ sở...Đến với Người lái đò sông Đà của Nguyễn Tuân, ta cùng tác giả vượt thác xuống ghềnh và rồi thả thuyền hồn trôi xuôi trong một đoạn tả sông Đà trữ tình: “Thuyền tôi trôi trên sông Đà...trên dòng trên”.

Nếu ví người lái đò sông Đà như bản trường ca với những cung bậc khi mãnh liệt lúc réo rắt ngân vang thì đoạn văn trên là một khúc ca êm ái nhất. Không những thế đoạn văn còn như một bài thơ, với những ý tưởng vần điệu nhịp nhàng, mềm mại. Ở những giai đoạn trên, ta bắt gặp một con thuyền chiến của người lái đò, còn đây là một con thuyền thơ của một hồn văn đầy chất thơ. Nhưng phải chăng vì cả ông lái đò và tác giả đều là người nghệ sĩ trong nghề nghiệp của mình nên cả hai con thuyền đều là thuyền thơ, chỉ khác là một tứ thơ dữ dội, khốc liệt và một tứ thơ êm đềm, dịu dàng. Hòa vào tứ thơ ấy, không gian liên tưởng của người đọc cứ mở ra mãi nhờ những cách so sánh. Các nhà văn khác thường so sánh cụ thể hóa sự vật còn Nguyễn Tuân, ông so sánh để làm vạn vật trở nên kích thích, mở rộng trí tưởng tượng. Hãy nghe cách so sánh của ông: “Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”. Từ một hình ảnh cụ thể, hữu hình “bờ sông” gợi đến bao cái vô hình “bờ tiền sử”, “nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”. Câu trên nghe hoang vắng, xa xăm. Câu dưới òa ập, xôn xao cảm xúc. Tác giả nhắc nhở tuổi thơ, ý văn tiếp nối với đoạn văn trên khai tả sông Đà “loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy”. Tuổi thơ như khoảng thời gian thần tiên trong hồn người. Và đi bên tuổi thơ của mỗi con người là tuổi thơ của nhân loại, bởi dòng sông nào cũng là chứng nhận của việc an cư lạc nghiệp, của biết bao biến đổi thăng trầm của lịch sử. Ở trên, Nguyễn Tuân đã nhìn sự vật trong chiều sâu lịch sử, trong ý thức hướng về truyền thống khi nói cái “lặng tờ” của cảnh sông. Dường như dòng sông lặng tờ lại càng lặng tờ hơn bởi bề dày lịch sử của mấy trăm năm cộng lại. Tiếp nối sức mạnh quá khứ là hình ảnh bờ sông – bờ tiền sử. Và khi nhà văn “thèm được giạt mình vì tiếng còi xe lửa” thì tương lai đã náo nức reo vui. Cứ thế văn Nguyễn Tuân đưa người đọc từ thế giới này đến thế giới khác một cách uyển chuyển khéo léo. Và phải chăng, Nguyễn Tuân đã viết văn đúng như quan niệm về thơ của ông “từ một cái hữu hình nó thức dậy được những cái vô hình bao la, từ một cái điểm nhất

định mà nó mở ra được một cái diện không gian thời gian”, khi so sánh bờ sông như vậy? Ngoài ra, ông còn đem vật thể so sánh với tình cảm, cảm xúc trong hình ảnh” một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa hay như “ Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương...Con sông như đang lắng nghe...” Nguyễn Tuân đã nhập thân vào dòng sông để lắng nghe và xúc động, lòng dâng đầy chất thơ. Mơ mộng thay khi nối tiếp những vần thơ bập bênh sông nước của Tản Đà là những cảm xúc rất thơ như thế! Thế giới vật chất, thế giới tinh thần xa xăm cứ thế mà nối qua những liên tưởng của nhà văn. Con sông đang “ nhớ thương”, đang “ lắng nghe” hay chính nhà văn đang thương nhớ, lắng nghe những tâm tình của cuộc sống?

Chất thơ của đoạn trích còn thể hiện ở cách viết văn như thơ của Nguyễn Tuân. Câu mở đoạn “ Thuyền tôi trôi trên sông Đà” êm êm những thanh bằng như một câu lục trong thơ lục bát. Vần lưng “ tôi trôi” và điệp âm “ t” gợi hình ảnh con thuyền nổi nênh trên mặt sông. Những thanh ngang nằm giữa hai thanh bằng hai đầu câu văn như tạo một khoảng ngưng đọng cho cảm xúc. Thuyền trôi mà như không trôi, như tình cảm cứ đọng mãi, chất chứa trong thuyền. Và cụm từ “ thuyền tôi trôi” ấy cứ như một điệp khúc bằng lặng trong suốt cả đoạn văn. Đây là một kiểu trùng rất đặc trưng của thơ hay cũng là sự điệp trùng của cảm xúc. “ Thuyền tôi trôi qua một nương ngô..”, “ thuyền tôi trôi trên dải sông Đà...” trông như thuyền hồn người đọc cũng xuôi lặng theo dòng tâm tư khởi toàn thanh bằng nhẹ bổng như thế. Hồn người như tan ra hòa cùng cảnh sắc. Con thuyền cũng trôi trên một dòng sông cũng lững lờ trôi theo những câu văn ngắn, chảy dài, chảy dài theo những câu văn dài. Có phải câu văn cứ khi dài, khi ngắn linh hoạt như dòng chảy lúc nhanh lúc chậm của con sông? Câu “ Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa” xao động với những thanh trắc nhỏ nhẹ cổ như khép lại nén lại cảm xúc đang dân trào. Ngoài câu văn mở đầu với sáu thanh bằng còn có vẻ câu nhiều thanh bằng nữa như “ chăm chăm nhìn tôi lừ lừ trôi trên...”. Những thanh bằng ấy như cố lắng xuống để ghi nhận trong khoảnh khắc ánh nhìn của chú nai tơ. Và hai từ láy “ chăm chăm”, “ lừ lừ” chỉ trong một vẻ câu ngắn như đọng đầy cảm xúc. Ngoài ra còn có những từ láy khác như “ lững lờ”, xa xôi, êm êm” đều gợi cảm, tạo nhạc. Bên cạnh một thứ nhạc thơ thấm đẫm đoạn văn là một điệu nhạc tâm hồn cứ khe khẽ hát lên, một chất thơ trở đầy tâm trạng.

Chất thơ mơ mộng còn bao trùm cả cảnh sông bằng những ảnh nai tơ, mỡ màng nhất: “ lá ngô non đầu mùa”, nõn búp, búp cỏ gianh, những con vật hiền lành: con hươu thơ ngộ, đàn cá dầm xanh. Cảnh sắc thơ như từ một thế giới cổ tích nào đấy hiện về, vừa chân thực mà hư ảo, gần gũi mà xa xăm, bằng lặng một lớp sương huyền hồ của “ cỏ gianh dầm sương đêm”, “ áng cỏ sương” và cả “ tiếng còi sương”. Tưởng như một tâm hồn lần đầu bắt gặp sự xanh non của cuộc sống. Những câu văn tươi xanh như thức dậy phần non tơ nhất của hồn người, thức dậy một ý thơ của Xuân Diệu “ Hãy nhìn đời bằng đôi mắt xanh non”. Có t” thể hình dung đây là một buổi sớm mùa xuân tinh khôi, mùa xuân của cuộc sống và mùa xuân

của lòng người. Mỗi câu văn “đắm sương” ấy là một nét vẽ, tưởng như hòa vào nhau song tách bạch rất rõ rang. Một màn sương cứ rải nhẹ trong tâm trí độc giả, như nhắc nhở bao huyền thoại xa xưa, bao không gian cổ tích diễm ảo. Ta như cùng Nguyễn Tuân ngây ngất đắm say những nét diệu kỳ nhất của tạo hóa. Có một sự sống của mình trong ba thanh trắc “nhú”, “mây”, “lá”, có một cái gì mềm mại trong “đầu nhung”. Và ấn tượng nhất là cỏ, ta chỉ nghe “ngọn cỏ”, “sóng cỏ” nhưng “búp cỏ”, “áng cỏ sương” thì có lẽ chưa bao giờ. Nếu thi hào dân tộc Nguyễn Du tả ngọn cỏ như một minh chứng cho sự đồng điệu đến kỳ lạ của thiên nhiên đối với con người thì Nguyễn Tuân nay đã đưa ngọn cỏ lên khía cạnh thơ nhất, đẹp nhất. Màu xanh của bờ đồng cỏ mênh mông đã nhuộm non cả đoạn văn - bài thơ của Nguyễn Tuân.

Bài thơ cuối ấy còn đạt đến chất thơ tuyệt vời bằng nghệ thuật cổ điển lấy động tả tĩnh. Khung cảnh lặng tờ đến nỗi tác giả cảm nhận được cả tiếng cá quẫy. “Tiếng cá đập nước sông đuôi mắt đàn hươu vụt biến”. Phải chăng đó cũng là khoảng lặng trong tâm hồn của Nguyễn Tuân để hứng lấy những âm thanh nên thơ của sự sống, một sự sống trôi mình trong lá ngô non, búp cỏ non mạnh mẽ trong tiếng đập nước của cá? Đàn hươu hiện ra chạy mất, phải chăng trong đoạn văn mơ mộng của Nguyễn Tuân, mọi vật đều trở nên hiền lành đến mức thơ ngây nhất? Từ một cái diện mênh mang một điệp khúc xanh của ngô non, áng cỏ, nhà văn điễm vào sắc trắng của bụng cá. Nghệ thuật hội họa cổ điển đã được vận dụng, khám phá mọi vẻ thơ ngây của cuộc sống.

Trong không gian u huyền ấy bỗng tác giả “thèm được giật mình vì một tiếng còi sương”. Đặt vào hoàn cảnh chưa có chuyến tàu nào đi Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu., câu văn như một tiếng reo náo nức của tác giả trước công cuộc xây dựng miền Bắc (1958 - 1960). Khi ấy, Tố Hữu đã cho ra đời những vần thơ đẹp.

Yêu biết mấy những dòng song bát ngát
Giữa đôi bờ dào dạt lúa ngô non
Yêu biết mấy những con đường ca hát
Qua công trường mới dựng mái nhà son.

Tiếng còi sương là ảo, là âm thanh trong tâm tưởng nhưng lại nói lên một ước vọng rất thực tế của nhà văn. Thèm được nghe một tiếng còi xa lửa đã quý, như Chế Lan Viên.

Mắt ta thêm mái ngói đỏ trăm ga.
(Tiếng hát con tàu)

Nhưng “them giật mình” thì lại càng quý hơn bởi Nguyễn Tuân khao khát cái cảm giác khi được nghe tiếng còi Tây Bắc mở mang. Ta đã từng trân trọng cái giật mình vì phẩm giá “thương mình xót xa” của Kiều, cảm thông cái giật mình hoài nhớ của Tú Xương khi “vắng nghe tiếng ếch” thì nay ta lại nâng niu thêm một cái giật mình ước tương lai của tác

giả sông Đà. Và như thế đoạn văn của sông Đà của Nguyễn Tuân đã là văn chương mới của một thời đại mới. Trước Cách mạng, ông đã từng “xê dịch” để tìm những cảm giác mới lạ, để trốn tránh trách nhiệm thì sau ngày đổi đời của dân tộc, ông lại đi để tìm hình ảnh quê hương và nhận chân trách nhiệm của mình. Thương ngoạn nhưng không quên vì người, vì cuộc sống mới, quả thật văn Nguyễn Tuân đã “hợp lưu” với lòng người đọc dễ dàng nhờ những suy nghĩ như thế. Hòa cùng tiếng hát của con tàu thơ Chế Lan Viên, một tiếng còi sương của Nguyễn Tuân, mái nhà sơn của Tố Hữu, “Ngói mới” của Xuân Diệu... đã góp thành sắc mới của thơ văn phản ánh màu mới của quê hương đất nước. Cuộc sống mới đã ngấm vào cảnh vật, và con hươu thơ như cũng lắng nghe tiếng còi sương. Cảnh vật có màu sắc, âm thanh dù là trong tâm tưởng.

Một tứ thơ xưa đọng lại nơi quãng sông càng làm tăng chất thơ: “Dải sông Đà bọt nước lên đênh. Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình.” Nguyễn Tuân đã chọn câu thơ hết sức trữ tình của nhà thơ quê hương sông Đà, sống hết lòng với sông Đà. Câu thơ ấy hòa với những câu văn đẹp như thơ của Nguyễn Tuân đã “đề thơ” vào sóng nước Đà giang như khẳng định sự tồn tại của một sinh thể có hồn, coi sông Đà như một bạn đồng hành? Đưa vào câu thơ của Tản Đà, đoạn văn, bỗng dậy lên hơi thở nồng ấm, quán quýt của tình người, tình yêu. Tình đã nồng cho nên những câu văn tiếp theo chất chứa cảm xúc “nhớ thương”, “lắng nghe những giọng nói êm êm”.

Có một sông Đà găm thét, chảy trôi miên man giữa trời Tây Bắc vờ vời chất thơ của sông núi, và có một sông Đà trong văn Nguyễn Tuân chảy vào lòng người. Văn chương đã làm cho thiên nhiên đẹp lên bội phần. Con sông Đà sẽ mãi đồng hành cùng với con người cũng như áng văn đẹp của Nguyễn Tuân sẽ luôn là hành trang của mỗi người, của dân tộc đi tới trong cuộc sống hôm nay.

BÀI MẪU SỐ 5:**A. Tìm hiểu đề**

- Kiểu đề: Nghị luận văn học – Phân tích đoạn văn xuôi
- Nội dung: Con sông Đà trữ tình
- + Cảnh lộng tờ hoang dã của bờ bãi sông Đà
- + Khát khao hướng tới tương lai.
- Phạm vi dẫn chứng” Đoạn văn trong tác phẩm “Người Lái đò sông Đà”

B. Lập dàn ý:**I. Giới thiệu:**

- Tác giả: Nhà văn Nguyễn Tuân là cây bút rất mực tài hoa, uyên bác....
- “Người lái đò sông Đà” được rút ra từ tập tùy bút “Sông Đà” (1960) Tác phẩm đã góp phần khẳng định vị trí của Nguyễn Tuân trong nền văn học Việt Nam hiện đại.
- Trong tùy bút Nguyễn Tuân miêu tả hình tượng con sông Đà khi thì hung bạo lúc lại trữ tình.
- Đoạn văn miêu tả vẻ đẹp thơ mộng trữ tình của con sông Đà quãng trung lưu thác ghềnh lúc này chỉ còn trong trí nhớ...

II. Phân tích*** Nhận xét chung:**

Nếu như trong cảnh vượt thác băng ghềnh trên thượng nguồn, nhà văn Nguyễn Tuân đã tung ra một vốn từ ngữ chính xác, mới lạ và vô cùng ấn tượng để làm nổi bật cuộc chiến đấu giữa ông Đò với thần sông thần đá có đủ tướng mạo quân đông bằng một giọng văn mạnh mẽ, nhịp văn dồn dập thì đến đoạn văn này nhịp văn thay đổi bằng sự nhịp nhàng, mơ màng, êm dịu đúng như câu tục ngữ của người Thái: “Qua thác Tiểu dải chiếu mà nằm”

1. Luận điểm 1: Cảnh ven sông lộng tờ hoang dã

- Câu đầu của đoạn văn được bắt đầu bằng hình ảnh “Thuyền tôi trôi trên sông Đà” gợi lên sự nhẹ nhàng êm ái. Câu văn ngắn gồm 6 âm tiết đều là thanh bằng tạo nên không gian nghệ thuật như ru khách sông Đà vào giấc mộng phiêu du.
- “Cảnh ven sông ở đây lộng tờ. Hình như từ đời Lí, đời Trần...thế mà thôi”
- + Hai chữ “lộng tờ” được nhắc đi nhắc lại tới hai lần theo kiểu trùng điệp rất đặc thù của thơ, không gian vẫn lộng nhưng không thể “lộng tờ” hơn được nữa du khách đang đi

thuyền trên quãng sông này nhưng lại có cảm giác mình đang đi ngược về quá khứ xa xưa của những đời Lí, đời Trần, đời Lê.

+ Cái lặng tờ trầm tu đột ngột của con sông vốn đã ồn ào, mạnh mẽ gọi lên không khí thiêng liêng trang trọng cổ kính. Đó là dòng sông cổ thi “trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ” mà ta đã từng bắt gặp trong trang thơ của Huy Cận, sông Đà con sông lịch sử đã từng chứng kiến một chặng đường oanh liệt, hào hùng của dân tộc ta trong những cuộc chiến tranh vệ quốc, câu văn không tả mà nó có sức gợi mênh mong của thi ca.

- “Thuyền tôi trôi qua một nương ngô...nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”

+ Theo dòng trôi của con thuyền người đọc đi vào thế giới hoang sơ tĩnh mịch, Nguyễn Tuân lấy lại cái điệp ngữ “thuyền tôi trôi” để gợi một dòng sông êm đềm, thơ mộng, ta tưởng như nhịp chảy của dòng sông đã hòa vào nhịp điệu của câu văn để ru hồn người “lạc vào thời tiền sử” đẹp như “một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”

+ Bao trùm cảnh vật là một màu xanh hoang sơ cũng thấy nương ngô “nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa” dường như ở đó đã có dấu ấn của con người in trên cái màu xanh non mỡ màng ấy nhưng thật ngạc nhiên “tĩnh không một bóng người”. Đoạn văn đẹp như một bức tranh lụa nhờ việc sử dụng rất nhiều định ngữ: “cỏ gianh đẫm sương đêm”, “lá ngô non đầu mùa”...chính những hình ảnh thi vị ấy đã kéo dòng sông hiện đại trở về gần với thực tại hơn.

+ Đặc biệt hai câu văn “bờ sông hoang dại ...bờ sông hồn nhiên...” khiến ta tưởng đây là hai vế của một câu song quan trong bài phú lưu thủy. Nghệ thuật điệp cấu trúc đã kết dính hai câu thành một bè thơ gợi cảm, bông bênh, vắn vưng cảm xúc hoài cổ mà ta đã bắt gặp ở người nghệ sĩ một thời vang bóng này. Nguyễn Tuân đã tìm về vẻ đẹp xưa trong cái ngày hôm nay => tình yêu quê hương xứ sở.

+ Nguyễn Tuân so sánh không phải để cụ thể hóa sự vật mà để triu tượng hóa, thơ mộng hóa. Lời văn chứng tỏ sự tài hoa của cây bút bậc thầy về ngôn ngữ, ông đã dùng tưởng tượng để tạo nên liên tưởng nhằm gieo vào lòng người đọc bao cảm xúc để được cùng nhà văn tận hưởng cái vẻ đẹp hoang dại và hồn nhiên của bờ bãi sông Đà.

2. Luận điểm 2: Khao khát hướng tới tương lai của sông Đà
- Say đắm trong cái tĩnh mịch của dòng sông nhưng nhà văn vẫn “thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp-lê của chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bái – Lai Châu”

+ Có lẽ đây là cách làm duyên của Nguyễn Tuân cách nói vừa tô đậm ấn tượng về một không gian lặng lẽ, mơ màng đến độ phải “thèm giật mình” để rũ mình khỏi giấc mộng xưa.

+ Qua đó Nguyễn Tuân còn gửi gắm cái khao khát được gửi gắm sự đổi mới của đất Tây Bắc hoang dã trong không khí xây dựng Xã Hội Chủ Nghĩa ở miền Bắc trong những năm 1960.

- “Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi án cỏ sương ...như tiếng bạc rơi thoi”

+ Những định ngữ “thơ ngộ, đầu hung, cỏ sương...” giống như một chiếc đũa thần kì diệu chạm tới đâu thì ở đó sự vật như chạ quây, sống động có hồn. Cái hoang dại không mất đi mà trái lại đem đến cho người đọc một vẻ đẹp tươi tắn, tinh khiết vắng vắng trong không gian tĩnh lặng của đôi bờ sông Đà là một tiếng “còi sương” ngân xa như mở ra một chân trời thơ bát ngát.

+ Cuộc đối thoại giữa ông khách sông khách sông Đà và con vật “lành” đích thực là một bài thơ trữ tình, nó chấp chờn chơi vơi. Hươu hỏi người hay người tự hỏi một giả định vừa thực vừa ảo. Chỉ cần một nét vẽ của Nguyễn Tuân về đàn hươu núi đã gọi trước mắt người đọc cái vẻ đẹp hoang dã hồn nhiên của con sông.

+ Hình ảnh “đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi” như mạnh sức nặng của một tâm hồn đang hòa vào cũng cảnh vật. Một câu văn có cả màu sắc, đường nét và đặc biệt cách miêu tả của nhà văn cũng vô cùng độc đáo. Biện pháp nghệ thuật so sánh cùng với nghệ thuật lấy động tả tĩnh gọi lên không gian tĩnh mịch đến độ người ta có thể nghe thấy cả tiếng cá quẫy đuôi làm đàn hươu phải giật mình và ông khách sông Đà cũng chợt tỉnh mộng để quay về thực tại.

- Thuyền tôi trôi trên “dải sông Đà bọt trắng lênh dênh...”. Đến đây tác giả đã phát hiện ra sông Đà với vẻ đẹp tình tứ lãng mạn, vẻ đẹp đậm đà bản sắc văn hóa bởi nó được gắn với câu thơ rất mực tài hoa của thi sĩ Tản Đà “Dải sông Đà bọt nước lênh dênh – Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình”. Ở đây ta lại bắt gặp một giọng văn quen thuộc của nhà văn họ Nguyễn ông luôn nhìn sự vật dưới phương diện văn hóa, lịch sử, thẩm mỹ.

- Càng về xuôi sông Đà càng rộng thêm ra bởi vậy nhìn dòng nước lững lờ trôi mà ta như cảm thấy nó “nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc” và “con sông như đang lắng nghe giọng nói êm êm của người về xuôi”. Bằng tấm lòng với vẻ đẹp quê hương đất nước, nghệ thuật văn xuôi điêu luyện của Nguyễn Tuân đã đem đến cho người đọc những khoái cảm được ngắm nhìn vẻ đẹp về con sông Đà nghệ sĩ lãng mạn trữ tình.

=> Nhận xét, đánh giá cuối bài:

Nguyễn Tuân yêu Tây Bắc, yêu một trời hoa ban trắng, yêu ông lái đò nghệ sĩ, yêu con sông Đà hùng bạo trữ tình...phải chăng đó là thứ tình yêu sông núi, yêu con người Việt Nam tài hoa dũng cảm. Và ông đến với sông Đà như một cái cố, một cơ duyên để ông được thỏa thuê với khát vọng khám phá, khát vọng thể hiện cái tôi trữ tình nghệ sĩ của mình.

BÀI MẪU SỐ 6:

Nguyễn Tuân là một người nghệ sĩ tài hoa, nhà văn nổi tiếng trong cả hai giai đoạn sáng tác: trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945. Ông đã để lại cho chúng ta một sự nghiệp văn học phong phú với nhiều tác phẩm như Một chuyến đi (1938), Vang bóng một thời (1939), Thiếu quê hương (1940), Chiếc lư đồng mắt cua (1941), Tùý bút I, Tùý bút II (1943), Tóc chị Hoài (1943), Nguyễn (1945), Chùa Đàn (1946), Đường vui (1949), Tình chiến dịch (1950), Tùý bút kháng chiến và hòa bình I (1955), Tùý bút kháng chiến và hòa bình II (1956), Sông Đà (1960), Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi (1972), Kí (1976), Chuyện nghề (1976),... Đặc biệt bài tùy bút Người lái đò sông Đà rút trong tập tùy bút Sông Đà là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo và tài hoa của nhà văn Nguyễn Tuân trên bước đường đi tìm vẻ đẹp của cảnh và người Tây Bắc - “chất vàng mười” của tâm hồn. Trích đoạn trong đề bài là một đoạn của tùy bút.

Trước đoạn văn này, tác giả trình bày mục đích chuyến đi thực tế Tây Bắc và sông Đà của mình là để tìm hiểu những con người ở đây mà ông gọi là “thứ vàng mười đã qua thử lửa” của cách mạng và kháng chiến, hiện nay đang góp phần vào việc kiến thiết Tây Bắc. Tiếp đến, tác giả giới thiệu tài trí tuyệt vời của những người lái đò sông Đà, đồng thời liệt kê một loạt con thác của sông Đà từ Vạn Yên về xuôi, trong đó có những con thác vô cùng “độc dữ, nham hiểm”. Sau đó, nhà văn khám phá tính chất hung bạo và trữ tình của sông Đà. Đặc biệt là miêu tả hình tượng ông lái đò với tư cách một người lao động đầy trí dũng và một người nghệ sĩ trong nghệ thuật vượt thác leo ghềnh. Sau cuộc thủy chiến ác liệt giữa người lái đò và con thác dữ, dòng sông Đà như trở lại bản chất trữ tình vốn có.

Trích đoạn trên đây miêu tả vẻ đẹp trữ tình và cảm xúc của du khách trên dòng sông ấy.

Trước hết là vẻ đẹp trữ tình của một quãng sông êm ả. Nhà văn miêu tả một cách vô tư, khách quan kết hợp với vài suy nghĩ cá nhân:

“Thuyền tôi trôi trên sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lí, đời Trần, đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi”. Thêm vào đó, nhà văn chọn lọc, miêu tả nhiều hình ảnh đẹp, sắc nét: “Một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa”, “cỏ gianh đồi núi đang ra những non búp”, “một đàn hươu cúi đầu ngón Lúp cỏ gianh đẫm sương đêm”, “(con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương”. Đặc biệt; nhà văn còn dùng thủ pháp so sánh tu từ, nhân hóa tu từ, điệp cấu trúc cú pháp: “Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử”, “bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”. Dùng các thủ pháp này, một mặt nhà văn miêu tả vẻ đẹp thi vị, hoang dại, cổ kính của dòng sông. Mặt

khác, nhà văn gợi được thần thái của nó. Hơn nữa, nhà văn dùng những nét chấm phá rất tài hoa của nghệ thuật hội họa, điêu khắc. Dễ thấy nhất là gam màu nhạt tạo cảm giác trữ tình thơ mộng. Đó là màu xanh non của lá ngô đầu mùa, của nồn búp, của cỏ gianh đồi núi. Đó là màu trắng đục của sương đêm. Đó là màu hung của đầu con hươu thơ ngộ. Đó là màu “trắng như bạc rơi thoi” của bụng cá. Và lại, không gian nơi đây rất tĩnh mịch, hoang vắng (ngoại trừ thanh âm của “đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sóng”).

Đã vậy, cách phối hợp thanh điệu, nhịp điệu của câu văn cũng rất tài hoa. Trong đoạn văn, các thanh bằng chiếm ưu thế, góp phần tạo nên cảm giác êm dịu, lắng đọng nơi chiều sâu cảm xúc. Chẳng hạn, câu mở đầu đoạn văn chỉ toàn thanh bằng: “Thuyền tôi trôi trên sông Đà”.

Bên cạnh đó, thường thức đoạn văn chúng ta còn bắt được mạch cảm xúc của du khách - nhân vật trữ tình - trên sông Đà. Cụ thể là sự rung động mãnh liệt trước vẻ đẹp ngây ngất của thiên nhiên và chiêm ngưỡng vẻ đẹp ấy bằng đôi mắt của một người nghệ sĩ tài hoa. Nhìn cảnh ven sông lặng tờ, người nghệ sĩ liên tưởng tới quá khứ của quãng sông để so sánh, đối chiếu, khám phá ra vẻ đẹp hoang sơ, cổ tích, huyền thoại kì thú của nó cũng như vẻ đẹp trẻ trung, tươi tắn nảy nở, sinh sôi của cảnh vật thực tại. Hơn thế nữa, tình yêu thiên nhiên của người nghệ sĩ ấy rất nồng nàn, tha thiết, ở đây, có một hòa nhập cả tâm hồn mình vào thiên nhiên. Vì người nghệ sĩ ấy với thiên nhiên như một người bạn tri âm, tri kỷ nên rất thấu hiểu thiên nhiên. Thật vậy, tâm hồn nhân vật trữ tình như mơ màng lắng nghe cả tiếng hươu đang thủ thi: “Hỡi ông khách sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?”. Đặc biệt, có sự thấu hiểu tâm trạng của dòng sông như thấu hiểu tâm tư, tình cảm của con người. Ấy là tâm trạng nhớ nhung da diết: “Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc”. Đó là tâm trạng quyến luyến, mong mỏi được nghe giọng nói của con người: “Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi”. Ấy là tâm trạng vui mừng, sung sướng, tự hào khi được làm bạn đủ loại ghe thuyền xuôi ngược trên sóng nước: “Con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên”.

Ngoài ra, với trí tưởng tượng lãng mạn, bay bổng, người nghệ sĩ ấy mượn hai câu thơ của thi sĩ Tản Đà để làm đẹp thêm cái thơ mộng tình tứ của sông Đà:

Dải sông Đà bọt nước lênh bênh
Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình.

Và lại, chúng ta còn cảm nhận được niềm khao khát, mơ ước, hi vọng của người nghệ sĩ về một tương lai tốt đẹp cho vùng đất Tây Bắc xa xôi của Tổ quốc: "Chao ôi, thấy thèm được giạt mình vì một tiếng còi xúp lê của một chuyến xe lửa đầu tiên trên đường sắt Phú

Thọ - Yên Bái - Lai Châu”. Phải chăng đây cũng là khát vọng chân chính của biết bao văn nghệ sĩ cùng thời Nguyễn Tuân về sự thay da đổi thịt của Tây Bắc?

Nhìn chung, dù độc giả chỉ thưởng thức một đoạn văn ngắn của bài tùy bút Người lái đò sông Đà nhưng vẫn cảm nhận được rất rõ nét phong cách nghệ thuật độc đáo của nhà văn Nguyễn Tuân. Tiêu biểu là phong cách “ngông” thể hiện ở sự tài hoa, uyên bác, lịch lãm trên câu chữ. Tuy tùy bút là một thể văn nhưng chúng ta thấy nhà văn còn phối hợp kiến thức của nhiều môn nghệ thuật khác như hội họa, điêu khắc, sân khấu, điện ảnh, địa lí, lịch sử, sinh học, văn hóa, phong tục, võ thuật,...

Riêng trích đoạn trên, sự am hiểu về hội họa, điêu khắc, động vật học, thực vật học, lịch sử học, địa lí học, mỹ học đã giúp nhà văn cảm nhận, đánh giá đúng vẻ đẹp của thiên nhiên Tây Bắc. Ở đây, sông Đà được miêu tả như một công trình thiên tạo tuyệt vời, đẹp trong chất thơ trữ tình, da diết. Mặt khác, nhà văn còn nhìn sự vật ở chiều lịch sử, gắn quá khứ, hiện tại với tương lai. Hơn nữa, vốn ngôn ngữ của nhà văn rất giàu, nhiều từ ngữ có giá trị tạo hình biểu cảm cao độ có nhạc điệu trầm bổng, biết co duỗi nhịp nhàng như muôn ganh đua với tài hoa của tạo hóa. Phải là một người nghệ sĩ yêu nước da diết, có trí tưởng tượng đa dạng, phong phú, biết khám phá mê say, thưởng thức cái đẹp kỳ thú của tự nhiên mới có được những trang viết dạt dào khoái cảm thẩm mỹ đến thế!

Trên đây là một trong những trích đoạn đặc sắc nhất của tùy bút Người lái đò sông Đà. Cả tác phẩm cùng như trích đoạn đã khơi dậy trong lòng chúng ta tình yêu thiên nhiên, đất nước mãnh liệt, yêu những con người lao động chân chính, hăng say và đặc biệt càng thêm yêu vùng đất Tây Bắc xa xôi nhưng giàu tiềm năng của Tổ quốc Việt Nam.